

Vấn Đề Nông Nghiệp Tại Việt Nam

Trông Văn Thuận
Hoà Chuyên Viên Việt Nam Tại Hoa Kỳ

Lời mở đầu và bối cảnh

Tại Việt Nam, khối cơ dân nông thôn chiếm đến 80 phần trăm toàn bộ dân số. Kể về mặt phát triển và tương lai của nước này, đây luôn luôn là thách thức nặng nề nhất cần phải giải quyết. Việc sử dụng một cách hiệu quả khối cơ dân nông thôn là một ưu tiên rõ rệt trước mắt, vì rằng tập thể này cần có nhiều khả năng tối đa để đáp ứng các nhu cầu của mình. Tuy nhiên, nếu muốn đạt được sự phát triển kinh tế bền vững, thì sự phát triển nông nghiệp không thể nào xem là những lĩnh vực chủ yếu, bởi vì theo những tiêu chuẩn lạc quan nhất thì nước này cần phải tăng trưởng từ 4 đến 5 phần trăm 1 năm là tối thiểu. Vì vậy, những quốc gia phát triển với nền kinh tế tiên tiến là những nước đã thành công trong việc giảm bớt tỷ suất lao động nông thôn nhờ vào toàn bộ lực lượng lao động trong nước. Do vậy trong ngắn hạn, cần phải cung cấp các cơ chế tính chất như chế độ hưu trí và các biện pháp khác cho nhiều người trong số người của lực lượng lao động nông thôn hiện nay trao đổi những kỹ năng sẵn có của họ và những khả năng cải thiện khác để phát triển và chuyển sang một hoạt động nghề nghiệp khác năng công hơn.

Khi nhắc đến những vấn đề này, trước hết tôi sẽ nói về tình hình hiện nay của khu vực nông nghiệp Việt Nam. Tôi sẽ sử dụng các dữ kiện này để thu thập và công bố trong một loạt các công trình nghiên cứu do Viện Nghiên Cứu Chính Sách Lương Thực Quốc Tế (International Food Policy Research Institute--IFPRI) thực hiện. Các công trình nghiên cứu này bao gồm các chính sách nông nghiệp của Việt Nam từ năm 1995 đến 1997 và ảnh hưởng của cơ quan chức năng của chính phủ Việt Nam tổng hợp tại trong đời sống nghiên cứu này tiếp tục với hai ý. Trong trường hợp của Việt Nam, một nước theo chế độ công sản, việc thu thập những dữ kiện năng tin cậy không phải là chuyện dễ dàng. Những dữ kiện năng tin cậy này chính quyền chính thức chấp nhận lại càng có giá trị hơn nữa, nhờ trong trường hợp các số liệu thông kê do các công trình nghiên cứu của IFPRI cung cấp. Nếu làm niềm xuất phát, người ta có thể nói rằng ít ra cũng đây là số liệu thống nhất về các dữ kiện chưa hiệu chính.

Các tài liệu của công trình nghiên cứu của IFPRI đã nêu ra những khuyến nghị năng kế hoạch chính sách nhằm cải thiện nền kinh tế nông thôn ở Việt Nam. Nhiều nông dân nếu lên ôi này là IFPRI năng nước khen ngợi ôi cho ôi này có gắng hết sức mình, vì công

trình nghiên cứu của Hội thảo một số quan chức chính phủ Việt Nam xem nhớ lại "một âm mưu... nhằm gây ảnh hưởng đến tiến trình tiến do hội và rằng IFPRI là một công cụ của âm mưu này.

Vì những lý do vừa kể một số nhân viên và chuyên gia của IFPRI về chính sách sẽ được tìm kiếm và khác lại cho được này như trong khuôn khổ bài tham luận này của tôi. Nếu biết, việc sản xuất các loại hàng hóa củi than - nhỏ nông, phân bón, và lúa gạo -- sẽ được xem xét kỹ càng tùy theo giới hạn của chúng. Những tài liệu sẽ xét đến các tham số chủ yếu nên đưa lại luận của tôi thì xa hơn nhiều. Thứ hai, thành tích năng suất và sản xuất lúa gạo sẽ được nói chi tiết với số cách biết trong số phần phụ của cái -- một số cách biết năng suất gia tăng theo chiều hướng bất lợi nói với dân chúng ô nhiễm thối. Những nguyên nhân của các cách biết ngày càng lớn về tài sản này sẽ được thảo luận. Sau đó tôi sẽ xin đề nghị những thay đổi và những giải pháp thay thế nên có với những thách thức do khu vực nông nghiệp đặt ra.

Trước hết tôi xin tập trung vào ngành nông nghiệp và phân bón và việc xuất khẩu gạo, tức là các khu vực do các doanh nghiệp nhà nước nổi quyền kinh doanh. Sau đó tôi xin nói rộng thêm về việc sản xuất lúa gạo, một hoạt động chủ yếu do các nông dân tổ chức quản trị. Lúa gạo, nông nghiệp, và phân bón tính chung chiếm khoảng 80 phần trăm diện tích canh tác, khoảng 95 phần trăm sản lượng nông sản toàn quốc, và cung cấp công ăn việc làm cho đa số dân chúng nông thôn. Do nội bán phân tích về các khu vực này có thể cung cấp cơ sở cho một số những kết luận tổng quát về tình trạng kinh tế nông thôn tại Việt Nam.

Ngành nông nghiệp

Việc phát triển ngành nông nghiệp có mục đích cung cấp một trường hợp điển hình cho công cuộc công nghiệp hóa nông thôn. Một nhà máy lớn được bao quanh bởi các nhà máy mía là hình ảnh tiêu biểu của công tác tổ chức sản xuất. Một thời gian sản xuất này được thiết kế nhằm tạo nên kiến thức ous cho việc bán năm hiệu quả và chi phí sản xuất thấp. Chính sách về nông nghiệp này được xây dựng nhằm thúc đẩy thực hiện công nghiệp hóa nông thôn trong những khu vực có tiềm năng nông nghiệp thấp hơn hai vùng châu thổ Sông Hồng và Sông Cửu Long: nói là vùng núi và trung du miền Bắc, vùng duyên hải miền Trung, vùng duyên hải miền Nam, và Vùng Tây Nguyên. Bởi vì theo chính sách quốc gia về phát triển nông thôn cho các khu vực ít có tiềm năng nông nghiệp hơn, nhiều tài nguyên nên được sử dụng để thúc đẩy việc trồng và chế biến mía, kể cả việc bao cấp tài chính, bán hoặc cho các hàng nhập khẩu rẻ tiền hơn, chuyển đất sang sản xuất mía, phân bón, v.v.

Tuy nhiên, so với bất kỳ tiêu chuẩn nào thì hiệu quả của việc sản xuất mía ở Việt Nam cũng vẫn thấp. Tại nước này, năng suất mía là 48 tấn 1 hecta, so với 60 tấn 1 hecta

tại Thái Lan, và 75 tấn 1 hecta tại Philippines và Anh. Ông Goletti giới thiệu ngay cái khi tăng năng suất lên 50 tấn 1 hecta, các vùng núi và vùng trung du miền bắc vẫn thấy rằng mua nông của nước ngoài có lợi hơn. Hiệu quả thấp cũng là một niềm nản đầu việc chuyển mía thành nông. Tại Việt Nam, muốn làm ra 1 tấn nông phải cần 16 tấn mía, trong khi tỷ lệ chuyển đổi trung bình ở các nước khác là 10 tấn mía 1 tấn nông. Năm 1977, giá bán buôn nông là khoảng 25 phần trăm cao hơn giá nhập khẩu. Những nguyên nhân của tình trạng hiệu quả thấp trong sản xuất sẽ nông thấp là sau, khi tình hình tổng tài sản nông một phần trong các ngành khác, nhờ phần bù và giá gạo chẳng hạn.

Thế nhưng, số vốn của nhà nông vẫn không suy giảm. Phần lớn số vốn gia tăng trong sản xuất là do số vốn gia tăng trong các khu vực môi canh tác và việc các nông trường mía tăng lên 10, 7 phần trăm 1 năm. Hiện nay có kế hoạch tái đầu tư cho 52 nhà máy tinh chế nông sử dụng các công nghệ hiện đại hơn, 1 phần 3 trong số các nhà máy này sẽ xây dựng trong năm 1997. Goletti lập luận rằng chính sách nông hiện hành gây tổn hại cho Việt Nam. Việc tụt do hội thông mại sẽ làm giảm nông thế hơn, công nghệ là một thiết kế kiểm soát 92 triệu đô là Mỹ mỗi năm. Cũng có lập luận nói rằng chính sách tụt do hội sẽ không hủy hoại ngành sản xuất mía ở trong nước, nhưng nó sẽ đòi hỏi việc phân bổ lại sản xuất trong các khu vực có nhiều lợi thế sản sinh hơn. Ông ta ghi nhận rằng những lợi ích của chính sách nông chưa có lợi cho một thiểu số những người tham gia vào ngành công nghiệp nông.

Ngành phân bón

Vì sản xuất trong nước chưa đáp ứng được 13 phần trăm tổng mức yêu cầu về phân bón, việc nhập khẩu các sản phẩm này trở nên hết sức cần thiết. Trên lập trường dài hạn, các quan chức Việt Nam lập luận rằng cần phải có một mức thuế tụt do hội thuế nhập khẩu năm sẽ ổn định nhằm để phòng những biến động bất thường của thị trường quốc tế. Do hai biện pháp song hành này sẽ áp dụng để đạt được những mục đích của chính sách nội (1) Tăng mức sản xuất phân bón toàn quốc, (2) Thiết lập một hệ thống hạn ngạch nhập khẩu để kiểm soát chất lượng phân bón nhập khẩu.

Các biện pháp về kế hoạch hóa nông sau này. Tính trung bình, trong thời kỳ từ năm 1990 đến năm 1996, giá trị tại Việt Nam cao hơn tại Nhật Bản 41 phần trăm, cao hơn tại Indonesia 72 phần trăm, và cao hơn tại Tây Âu 17 phần trăm. Vì sản lượng nội địa không đáp ứng được trong việc đáp ứng toàn bộ nhu cầu phân bón, mỗi năm giới hữu trách đã quyết định xúc tiến việc xây dựng một nhà máy liên hiệp sản xuất nhiên và phân bón tại Phú Mỹ thuộc khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu với công suất 680 MW và 800,000 tấn. Khí đốt sẽ được dùng làm nhiên liệu cho việc sản xuất cái này là phân bón. Nhiều nay sẽ cho phép Việt Nam sản xuất nông 40 phần trăm tổng số cần thiết và giảm bớt nhu cầu nhập khẩu.

Theo công trình phân tích giá thành sản phẩm thực hiện, kinh phí sản xuất urea nước dãi kiến là 200 nghìn là 1 tấn, trong khi các công nhân sản xuất urea trên thế giới thì người ta thấy rằng với giá 160 nghìn là 1 tấn, đời này sẽ không sinh lãi. Giới vận nông hàng lang cho đời này Myicon nhiều thế giới hơn các giới vận nông hàng lang của ngành nông nghiệp và chính quyền nhà nông và các công ty xây dựng vận vận xem những đời này quy mô này nhờ một cô hồi kinh doanh thuê mướn và thu lợi nhuận lớn.

Và vận này hàng nhập khẩu, 19 tấn và thanh phố và 8 doanh nghiệp do trung ương quản lý nước cấp hàng nhập khẩu 1 triệu rưỡi tấn urea trong năm 1997. Goletti tính ra rằng hệ thống hàng nhập khẩu làm tăng thêm giá thành sản xuất mỗi tấn là \$25 nói với nông dân. Với tổng số urea nhập khẩu hàng năm là 1 triệu rưỡi tấn, hệ thống này làm tăng kinh phí tổng cộng 37 triệu rưỡi nghìn là nói với Việt Nam. Hệ thống hàng nhập khẩu không có chế độ cho phép chọn lựa nước những nhà nhập khẩu có hiệu năng. Những trường hợp nước ghi lại cho thấy nhiều tài chính này xin cấp hàng nhập vì muốn nhận các khoản tín dụng nước bao cấp. Các hoạt động nhập khẩu phải bán nước tiến hành vì nước cấp tín dụng, và số tín dụng này nước dùng để tài trợ cho các hoạt động khác. Hàng nhập nước đem bán cho phía ngoài. "Những cuộc phỏng vấn không chính thức cho thấy rằng giá trị của việc bán hàng nhập này là từ 3 đến 4 nghìn là 1 tấn."

Trường hợp lúa gạo--sẽ nước thảo luận tiếp theo này--khác với hai trường hợp trước vì ở đây các nhà sản xuất là những nông dân tổ nhận và vai trò của các doanh nghiệp nhà nước trong hệ thống tiếp thu thuế gạo nhà nhà không nặng nề. Tuy nhiên, các doanh nghiệp nhà nước không chế độ với thông mại nước xa và xuất khẩu, tức là các lĩnh vực mà hội chiếm nước quyền.

Kinh doanh thuế gạo

Các nhà buôn tổ nhận mua gần hết số thuế gạo hàng hóa tháng đó (96 phần trăm) của các nông dân. Trong vùng nông bằng Sông Cửu Long, các nhà buôn tổ nhận cũng là những nhà cung cấp thuế gạo chính cho các doanh nghiệp nhà nước, và các doanh nghiệp này lại có trách nhiệm buôn bán gạo từ nam ra bắc và xuất khẩu gạo. Theo chính phủ Việt nam cho biết, những hạn chế nói với việc kinh doanh gạo nhà xuất khẩu là nhằm mục đích bảo đảm an ninh lương thực cho người nghèo. Do nội chế độ hàng nhập nước áp dụng trong việc kinh doanh gạo nhằm mục đích xuất khẩu. Riêng nói với việc kinh doanh gạo liên khu vực, các hạn chế cũng có tính cách gặt gạo và những thủ tục hành chính cũng có tính cách phức tạp giống như những hạn chế bắt buộc trong việc xuất khẩu gạo. Về mặt chính thức, chính sách kiểm soát này nhằm mục đích giới hạn số gạo nước chuyển lại sang Trung Quốc. Việc lưu thông gạo trong giới hạn miền bắc và miền nam ít bị kiểm soát hơn, nhưng vẫn bị trừng phạt vì các trạm kiểm soát, lệ

phí cầu nông, và các hoạt động kinh doanh thuê mướn khác của nhà cầm quyền nhà nông. Ngoài ra, các doanh nghiệp nhà nước cũng nộp quyền về xuất khẩu và buôn bán thời gạo trở nam ra bắc.

Trong mỗi trường chính sách nội thì trường thời gạo hoạt động rất yếu kém. Những biện pháp hạn chế nội với việc lưu thông thời gạo trở nam ra bắc gây rất nhiều tổn kém. Người ta ước tính chi phí khoảng 42 phần trăm của mức chênh lệch giá là do chi phí vận chuyển và tiếp thu gây ra. Phần 58 phần trăm còn lại tổng nông với một số thuê 100 triệu nội là mỗi năm. Khu vực tổ nhận nông nước phép tham gia vào hoạt động xuất khẩu gạo mà dù nông giá tiếp thu của hội chợ bang từ 1 phần 4 đến 1 phần 16 của các doanh nghiệp nhà nước.

Chất lượng thấp của các hoạt động xuất khẩu thời gạo thông vận là nguyên nhân chủ yếu gây trở ngại cho việc xác định giá cả của hàng nông cạnh tranh. Ngoài tiêu chí về tỷ lệ gạo tốt, các yếu tố khác như là nội, chiều dài của hạt gạo, hồng vỏ, không có rác rến, vân vân, cũng có ảnh hưởng. Việc khan hiếm các phòng tiêu tổn trở thích hợp làm cho quá trình chất một kiện hàng 10 ngàn tấn lên tàu trở thành một công tác nội hội phải có sự phối hợp phức tạp. Số lượng gạo cho một kiện hàng nhỏ thế nội hội phải có sự phối hợp của 20 nhà kho trở lên. Các nhà kho này phải thu góp gạo của một số nhà máy xay xát con lớn hơn nữa. Việc kiểm tra chất lượng trong nhiều kiện này là rất khó khăn lý

Tình trạng thiếu cạnh tranh lại gây ra những bất lợi khác. Kết cấu hai tầng yếu kém và chi phí vận chuyển quá lớn tại Việt Nam (gấp nội Thái Lan) cộng với những chậm trễ kéo dài trong việc hoàn tất quy trình bán cho thấy vì sao gạo Việt Nam bù lỗ giá nhiều hơn trên thị trường quốc tế - thấp hơn từ 13 đến 15 phần trăm so với giá gạo của các nước cạnh tranh khác như Thái Lan chẳng hạn. Số tín nhiệm bị suy giảm rất nhiều khi mỗi trường doanh nghiệp để bù các hoạt động kinh doanh thuê mướn, tranh chấp, vì phạm hợp nông, vân vân.

Nhiều nông hiện là tình trạng kém hiệu năng này gây nên thua lỗ khổng lồ nội hội phải nộp bù bằng ngân quỹ nhà nước. Bây giờ tôi xin nội nên các nguyên nhân về tình trạng kém hiệu quả và sản xuất yếu kém đã thấy xảy ra thông xuyên trong ba ngành nông, phần bán, và xuất khẩu gạo.

Những nguyên nhân của tình trạng kém hiệu quả và sản xuất yếu kém trong khu vực doanh nghiệp nhà nước

Việc các mặt hàng chủ lực do Việt Nam sản xuất có giá thấp trên các thị trường quốc tế có thể là một lợi thế nhưng lại bị lợi thế khác biệt trong chất lượng cây trồng, việc thiếu tiêu chuẩn nội trong công tác chế biến, việc nội thiếu thích năng cho trang thiết bị, vân

vain. Tuy nhiên, việc xúc tiến công tác kiểm tra chất lượng nội hối một loạt những tiêu chí và quy trình phải minh. Trong trường hợp thời gian, các tiêu năng không có phòng tiến nên tham gia hoạt động cấp bậc nội. Những phòng tiến ít ỏi của hối chæ cho phép hối nội lựa chọn bán hoa mau của hối tại một thờ trường nhà phòng hay bán cho các doanh nghiệp nhà nội. Những yếu tố quyết định cách ứng xử của các doanh nghiệp nhà nội phải ảnh một hiện tổng hoàn toàn riêng biệt và nội tố trình bày sau đây.

Trên quan niệm của một người quản lý doanh nghiệp nhà nội, không có việc cạnh tranh, và thành công không tùy thuộc vào việc đáp ứng các yêu cầu của thờ trường theo nhiều kiến cố lỗi nhất. Tại Việt Nam dưới chế độ công sản ngay nay, các tiêu chí của thành công nội nên nghĩa bởi số nhất trí chính trị nâng thành hành. Trong nhiều kiến nội số sống con tùy thuộc vào số ứng hối của cố trị tại nhà phòng, việc tuân thủ số nhất trí nâng thành hành, và những thỏa hiệp nhà nội với các phe phái khác trong giới lãnh đạo. Con có những ảnh hưởng nào khác mà một nhà quản lý doanh nghiệp nhà nội Việt Nam có thể sử dụng nội?

Số lỗi nhuận thu nội trên một chæ tiêu nội giao không phải là một biện pháp có thể lựa chọn vì nhiều yếu tố. Lỗi nhuận vô tội chæ tiêu bù năng thuế 100 phần trăm và phải giao nộp cho nhà nội. Số thất và việc thu nội lỗi nhuận vô tội chæ tiêu có thể trở thành một gánh nặng cho người quản lý doanh nghiệp nhà nội, bởi vì một lỗi nhuận nay sẽ năng tiêu chuẩn năng giải thành tích lên cao mà không kèm theo những phần thưởng cá nhân.

Nguồn cung cấp tiến mà do những hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp nhà nội tạo ra nội dung nên tại trôi cho các hoạt động của nhà nội. Những tiêu chuẩn so sánh nội lập về thành tích có rất ít ảnh hưởng nội với việc phân phối tín dụng và quyết định về nhà nội của nhà nội bởi vì những lý do chính trị luôn luôn chiếm ưu tiên. Do nội những quyết định nội nhà ra nên dựa trên cố số "trao nội" ảnh hưởng và lỗi thể chung của các phe phái khác nhau trong ban lãnh đạo chính trị. Hiện tổng nay các nội về thời chæ một trường hoạt động. Quyền kiểm soát việc sử dụng nguồn cung cấp tiến mà các nội về bản chæ cố cấu quyền lực của nội Việt Nam dưới chế độ công sản.

Có tín dụng của nhà nội, người ta có thể bỏ nhiệm những người ứng hối nội loại chính trị của mình vào các chức vụ then chốt. Có nhiều tín dụng của nhà nội hơn, người ta có thể xây dựng một nền tảng quyền lực riêng rẽ. Do nội tín dụng do nhà nội cung cấp quyết định nội sống của các quan chức Nội. Nhiều nội dân tới hệ quả là việc biến mình cho các đối an lớn tới nội nhà trở thành một cốu cạnh. Việc biến mình cho các đối an lớn là nội các năng khi những nội kiến của nhà khan hiếm sản xuất cũng hiện hữu. Nội tại hai là hai nội kiến nay rất thích hợp cho mỗi người quản lý doanh nghiệp nhà nội và quan chức năng năng tranh giành các nguồn lực của nhà

nông. Ta ra tình trạng khan hiếm sản xuất lao động phòng thối coi hiệu quả nhất thối hiện mức tích nhất nông những những bỏ trong tiến trình mà cái Tình trạng khan hiếm trong sản xuất cũng ta ra một tình hình coi hiệu quả nhất giành nông những lối thể và tiến thuê phải trả tới những người cần nên những dích vui hay sản phẩm của mình. Nhờ nhà chúng mình trong việc sản xuất nông và phân bón, và trong việc xuất khẩu gạo, những việc kiện của nhà khan hiếm và kém hiệu năng trong sản xuất và dích vui quả thật là rất phổ biến.

Người ta cũng thông thấy tình trạng này dưới các chế độ công sản. Shleifer và Vishny đã mô tả tình hình này tại Liên Bang Xô Viết cũ như sau: "Những người quản lý và việc chi trả nông thích nhận hối lộ bất chấp mỗi lần phí liên hệ với việc xếp hàng và vận nông hành lang, họ sẽ tìm cách ta ra một tình trạng khan hiếm. Mục tiêu của ngành công nghiệp là tăng nên mức tối đa giá trị của các khoản tiền hối lộ" *Rolling la một hệ thống những biện pháp khuyến khích chừa nông thiết lập nên nhất hiệu quả trong sản xuất.* Tối Sebastian và khuyến khích này thêm sau.

Sản xuất gạo

Chính sách Nông Môi đã trở nên hệ thống sản xuất nông nghiệp tập thể trước đây bằng cách thỏa nhận hàng gia đình nhờ một nền vô kinh tế và bằng cách thối hiện một số biện pháp tối do hối cho phép nền kinh tế Việt Nam nhất nông một tăng trước đây kể trong những năm sau cái cách. Trong thập niên 1990 sản xuất tiếp tục gia tăng, một phần là do năng suất nhất nhất ngày càng tăng, và cũng vì không còn những lựa chọn nào khác về công ăn việc làm tại khu vực nông thôn. Phần lớn nông dân trong lứa là vì nói coi thể bắt nên một mức thu nhập tối thiểu và an toàn lương thối. Kết quả là vào năm 1998 Việt Nam đã trở thành nông xuất khẩu gạo nhiều vào hàng thứ hai trên thế giới (4 triệu tấn), sau Thái Lan. Sản xuất gạo tăng 57 phần trăm từ năm 1985 đến năm 1995. Hoạt động sản xuất gạo tại Việt Nam có thể tính là sử dụng nhiều lao động, giới hạn trong những nông trại nhỏ và nông hộ trồng bởi việc sử dụng phân bón một cách rộng rãi. Chỉ có 23 phần trăm diện tích nhất nhất của Việt Nam là nhất nông nghiệp và trên một nửa số nhất này nông dụng để sản xuất gạo. Hai vùng nông bằng -- Nông bằng sông Cửu Long ở Miền Nam và Nông bằng sông Hồng ở Miền Bắc -- chiếm trên 2 phần 3 sản lượng gạo của cả nông.

Nông bằng sông Hồng là một trong số những khu vực nông nghiệp nông dân có nhất trên thế giới, với mật độ trên 1 ngàn người trong 1 kilomet vuông. Kích thước của nông trại rất nhỏ hẹp (0,25 hecta) và nông thâm canh (mật độ cây trồng là 1,8). Một sản xuất của Nông bằng sông Hồng chiếm 18 phần trăm sản lượng gạo của cả nông. Tại nông bằng sông Cửu Long, nông trại có diện tích trung bình rộng hơn (1,25 hecta) do một khối có dân có mật độ thấp hơn canh tác (401 người 1 kilomet vuông). Sản lượng của vùng này chiếm trên một nửa sản lượng gạo toàn quốc. Phần còn lại của Việt Nam

nông chia thành năm khu vực, tại các khu thiếu gạo. Một số ruộng lao nông tại vùng nông bằng sông Hồng cao hơn gấp 3 hay 4 lần vì phải cấy mạ (thay vì cách gieo thẳng tại vùng nông bằng sông Cửu Long) và vì việc xây đất thời ít nông có giới hạn hơn. Từ năm 1990, việc sử dụng phân bón đã tăng mạnh, lên tới 200 kilôgam 1 hecta.

Cải quyền về đất đai

Nghị quyết 5 do Hội đồng Nông lâm thôn VII thông qua năm 1993 xác lập quyền sử dụng đất lâu dài cho các hộ nông dân, kế thừa quyền trao đổi, chuyển giao, cho thuê thửa đất và cầm cố trong những tình huống cụ thể. Tuy nhiên quyền sở hữu đất đai vẫn thuộc về nhà nước. Việc tái phân phối đất đai của các nông trường quốc doanh và hợp tác xã cho nông dân đã diễn ra nhanh chóng. Nói tóm lại, các thửa ruộng đất đai--đổi hình thức chuyển giao quyền sử dụng đất--đã hình thành tại các miền Nam và miền Bắc.

Goletti ghi nhận những khó khăn sau đây trong tiến trình này: "Xin nông gia chuyển quyền đất đai không phải là điều dễ dàng nếu không có quan hệ mật thiết với chính quyền địa phương." Việc áp dụng giới hạn quyền sử dụng đất trong vòng 25 năm và quyền sở hữu tối đa 3 hecta hạn chế nghiêm trọng khả năng công nghiệp hóa nông nghiệp và tăng năng suất. Người ta ghi nhận rằng trên thực tế, các thửa đất tại miền Nam, những giới hạn ruộng không nông dân tồn tại. Người ta cũng biết có những ruộng hợp tác xã hàng trăm (và có khi lên đến hàng ngàn) hecta. Goletti nói: "Những hoạt động nhỏ lẻ không thể coi là khởi đầu của phi tập trung nếu không liên hệ mật thiết với nhà cầm quyền địa phương." Do mối liên hệ này không minh bạch, dẫn đến hậu quả là kho thâu hút nông sản của nước ngoài.

Quyền sử dụng

Ba mươi năm công bằng xã hội và thực hiện phát triển kinh tế là hai thách thức mà cơ bản cho sự thành công hay thất bại của các chính sách nhà nước. Quyền sử dụng đất, kể như một chính sách nội địa với nông thôn tại nông Việt Nam công sản, không phải là một ngoại lệ. Tiến độ cơ bản của nó là ba mươi năm quyền của nông dân nông sử dụng đất đai một cách bình đẳng để sinh sống và đạt được mức tiêu chuẩn của quốc gia về cung cấp sản phẩm nông nghiệp.

Mặc dù có những chính sách xã hội nội địa tại Việt Nam vẫn là thành phần nghèo khổ nhất trong xã hội, và kể về mặt tổng sản phẩm quốc nội tính theo đầu người thì có một khoảng cách rất lớn giữa khu vực nông thôn và khu vực thành thị. Theo Goletti, thu nhập bình quân tính theo đầu người tại khu vực thành thị cao hơn mức thu nhập bình quân tính theo đầu người tại khu vực nông thôn gấp 7,5 lần. Nếu 80 phần trăm dân số vẫn còn bỏ tuốt hầu thì khó có thể nghĩ tới việc phát triển tích cực cho toàn

boi dan soai Nain ngheo khoalaomoi nien kien phan xaohoi, bat keala do nguyen nhain nam gaay ra. Do noi nhing yinh nguyen thuy cua cac chnh sach nhainoi mau thuan hain voi thic te trong noi. Cau hoi can neu len oi nay lai

- Nguyen tac binh quan nay - doi hinh thic quyen soidung nat - coi troi buoc noing da in trong nhing nien kien khoing cho phep hai lam an thnh voing khoing? Noi moi cach khac, quyen soidung nat giup thic nay hay hain che nang suat? Viec giai quyet van nen nay lai can thiet neu khu vic noing nghiep muon tang troing va phat trien tren coisoi ben vong.

Noi lai nhing van nen trung tam, boi vi quyen soidung lai nen moing cua chnh sach xaohoi cua chea noi cong sain.

Trien vong cong sain ve cac quyen soi hou

Theo cac cham ngon cua chu nghia cong sain, soi hou to nhain va nhing yeu toi gop phan thic thi nhing nhinh chea nay - loi nhuan tai chnh lai moi thi doi roi rang nat - lai nhing nguyen nhain chuyeu cua tinh trang bat binh nang trong xaohoi. Theo hoi thuyet cong sain, loi nhuan tai chnh lai thoi noi soi boi loi cua moi giai tang da in chung - giai soi hou chui - noi voi giai tang khac - giai bo toi noi - nen thui loi. Troing hoi thic te lai Cuoic Cach mang Cong nghiep, bien coi noi tai noi "giai cap voi sain." Do noi hai khai niem cua chu nghia to bain - soi hou tai sain to nhain va loi nhuan tai chnh - noi troi thanh nhing nien toi ki noi voi chea noi cong sain. Cuing do noi cua cai noi tic luy thuoic ve nha noi. Do khoing chiu tai noing cua bat coi noi hoi cap baich cua cai nhain nam, toan cac khoi loing hang hoai va doch vui tap trung thuoic soi hou nha noi coi thea noi soidung nen thang tien cong bang xaohoi bang cach giai quyet nhing nhu cau roing lon va cao hon cua da in chung. Nen nat noi muc nch noi nat nai van thuoic quyen soi hou cua nha noi, va noing da in chea noi trao quyen soidung nat cho muc tien sain suat. Cac quyen soi hou tai sain to nhain noi xem lai coi hai cho xaohoi ngay to bain chat. Voi nhing quyen to hou bo hain chea hain het soi ngat ngheo, viec thu loi to soi hang hoai do nha noi lam chui nen phuic vui cho muc nch cai nhain bo xem lai bat khai thi. Theo quan niem cong sain, cac quyen coi tinh cach tuyet noi - coi nghia hoac lai coi hoac lai khoing - khoing thea coi tinh trang noi voi khi noi nen quyen hain.

Toi tin rang soi dien dich nho tren lai do oi soi kien hai khai niem khac nhau roi reat - bain chat cua cac quyen soi hou tai sain va van nen lai dung cac quyen soi hou tai sain - bo troi lai, va do noi troi thanh nguyen nhain gaay ra nhieu soi nam lai. Toi se phan tic rieng roi hai khai niem nay. Troi tien, toi xin bien luai rang cac quyen soi hou tai sain lai nen tang can thiet cua tien trinh lam ra cua cai va lai thuoic tinh can thiet cua cong bang xaohoi. Toi se bien luai them rang noi voi van nen lai dung cac quyen, tien

ngày xây ra hạnh vì niềm vui nhiều trong một chế độ xã hội quyền sở hữu một chế độ biết xúc tiến xã hội tranh.

Những triển vọng thay thế liên quan đến các quyền sở hữu

Trước hết, chúng ta hãy nói rõ hơn về bản chất của các quyền sở hữu tại sao. Theo Barzel, các quyền không cần phải có tính cách chính thức mỗi tài sản. "Bất cứ ai muốn nắm giữ tài sản, bất kể người nắm giữ một quyền sở hữu chung pháp hay một kế hoạch, nếu người sở hữu một phần." Nói rõ thế nào hóa là có thể có những quyền thật sự, chỉ thế những "không chính thức." Người ta có thể thấy rằng một nhà đầu tư của một cái nhà về những phần chất của một món hàng thật sự xã hội như các quyền của người này nói với món hàng này. Về mặt này, những nhà quyền căn bản của các quan chức chính phủ Việt Nam nói với những lợi ích mà xã hội hàng hóa thuộc sở hữu nhà nước có thể mang lại - dưới hình thức ăn uống hoá loại vật vật - là những thí dụ về các quyền sở hữu tổ chức. *Do vậy các quyền gồm có các quyền chính thức là không chính thức. Thật ra, các quyền sở hữu tại sao tổ chức hiện diện khắp nơi ở Việt Nam, không chỉ yếu chúng ta những nhà quyền của các quan chức Đảng Cộng sản.* Nhìn nhận nhà đầu tư các quyền cần phải chế là một vấn đề thuận tiện xã hội; nó có phản ánh tính chất quan trọng của khu vực không chính thức tại Việt Nam -- một khu vực có phần chất là một phần của khu vực chính thức.

Các quyền sở hữu, hiệu năng, và của cải

Tại trường kinh tế sẽ diễn ra khi các hoạt động sản xuất có tính cách xã hội năng lực công tiến hành. Khi tiền lương lớn hơn phí tổn, sẽ có những nỗ lực thúc đẩy nhà đầu tư về những công nghệ xã hội sẽ phát triển thành vô cùng chắc chắn nhất khi có các nhà đầu tư chính thức công nhận và bảo vệ những công nghệ xã hội. Sẽ có nhiều kiến thức hiện. Khi những phí tổn giao dịch có hiệu quả tích cực, mô hình cấu trúc xã hội liên kết với một xã hội phát tại nguyên khác nhau và một xã hội phân phối của cải khác nhau. Khi xã hội tranh có nhiều kiến thức hiện, các mô hình xã hội tạo ra những lợi nhuận tích cực sẽ tiếp tục tồn tại, và những hình thức sản xuất khác sẽ bị loại bỏ. Xuất phát từ quan niệm nội các căn bản sẽ thu hút và tạo ra quyền sở hữu cần có trên phí tổn và lợi nhuận. Nói một cách khác, xã hội chủ nghĩa những người sẽ đứng tại nguyên một cách có hiệu quả. *Do vậy xã hội tổ chức có thể nói xem nhà đầu tư nào của hiệu năng trong việc sử dụng tại nguyên.* Vì căn bản có thể giải thích lợi nhuận do những hoạt động của mình mang lại, họ sẽ tiếp tục khuyến khích cải thiện sản xuất. Họ có lý do chính đáng để thu hút kiến thức và gia tăng năng lực tổ chức khi họ có thể làm chủ lợi nhuận của xã hội này. Do vậy việc tạo ra của cải xã hội cung cấp những kiến thức thuận lợi nhất để thành công.

Đôi chế công sản quyền, hệ thống các biện pháp khuyến khích có tác dụng trái ngược bởi vì những phần thưởng dành cho công tác nâng đỡ thực hiện không nhất thiết có liên hệ với phương cách thực hiện công tác. Những người muốn trở thành sở hữu chủ của tổ chức sản xuất lựa chọn trở thành sở hữu chủ nhằm mục đích duy trì và cải thiện những chọn lựa cá nhân. Theo nội dung nội quy kiểm soát chính thức của các quan chức chính phủ nói với sở phần phối tại nguyên của nhà nước ta nên những các quyền cá nhân - tức là những quyền không chính thức - những quyền có thể bỏ lại dùng để thu về cá nhân. Những mối liên hệ này sinh với tất cả mọi biểu hiện lãng phí và kém hiệu quả nói với hiện tượng này. *Việc kết hợp hệ thống các biện pháp khuyến khích với nhiệm vụ nâng đỡ thực hiện có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.*

Các quyền sở hữu và công bằng xã hội

Việc chọn lựa một cơ cấu xã hội thích hợp sẽ không thể thực hiện được nếu không biết rõ những phí tổn liên hệ về cá nhân xã hội lẫn tổ chức. Nếu vậy rõ ràng là một vấn đề nan giải trong một chế độ công sản, bởi vì người ta không có quyền sở hữu lợi nhuận một cách chính thức, dẫn đến hậu quả là những phí tổn liên hệ cũng không được công nhận. Nói chung, các quan chức chính phủ không bỏ xem là công trách nhiệm nói với việc quản lý sai lầm các nguồn tại nguyên của nhà nước. Việc không tính đến những phí tổn những người khác phải gánh chịu là một trong những ảnh hưởng nghiêm trọng gây tác hại nhiều nhất trong chế độ công sản. Đây là điều đáng tiếc bởi vì lợi nhuận và phí tổn quyết định đời sống của mỗi cá nhân. Trong ý nghĩa nội *phí tổn và lợi nhuận là những thước đo thất bại của công bằng xã hội khi chúng làm ham sát hại của nhau.*

Trong những tình huống không cho phép cạnh tranh, một chế độ quyền sẽ nắm quyền kiểm soát. Số lượng của giai cấp "tổ chức" trong thời kỳ Cách mạng Công nghiệp đã phát sinh là vì có tình trạng thông tin giữa các giới lãnh đạo chính trị và doanh nghiệp. Quyền lực và phương tiện của nhà nước được sử dụng để bố trí "giai cấp vô sản" và phục vụ cho những lợi ích chính trị và kinh doanh.

Vấn đề chính và các quyền sở hữu tại sản tổ chức

Các quyền sở hữu tại sản có thể có hình thức bằng khoán. Một bằng khoán làm cho tài sản có thể thay thế được. Khi các quyền về tài sản được bảo vệ gần như bất cứ ai làm chủ một hình thức tài sản nào đó (nhà cửa, đất đai, v.v.v) nếu có thể nên một ngân hàng và xin vay tiền bằng cách dùng tài sản của cá nhân làm vật thế chấp. Nếu số tiền vay đó được dùng vào những mục đích sản xuất, thì ai ai cũng được hưởng lợi. Ngân hàng được trả tiền dưới hình thức tiền lãi bằng cách chấp nhận một số rủi ro trong việc cho vay tiền. Cá nhân có thể dùng công cuộc kinh doanh của mình làm bảo

năm này vay vốn và năng suất lên một tầm cao mới. Nhờ thế người ta đã tạo ra của cải. Nếu công cuộc kinh doanh thất bại, cá nhân rất tiêu phí hết giá trị của vật thế chấp phải chịu mất tài sản cá nhân. Trong tất cả mọi trường hợp, cấp ứng nhu cầu của thị trường và năng suất trong sản xuất là những tiêu chuẩn so sánh với ý nghĩa quyết định. Chính xã hội sẽ có những lỗi.

Một hệ thống tài sản nâng tin cậy sẽ làm cho tất cả mọi việc trở nên dễ dàng hơn. Tài sản có thể được phân chia giữa nhiều chủ sở hữu. Khi một nông dân qua đời, chủ quyền và tài sản được chuyển cho vợ và con của ông ta. Những người này có thể quyết định bán nông trại, hay giữ lại phần sở hữu tài sản bằng nhau. Hay người con chỉ thuê làm ăn hôn có thể mua lại tất cả các phần tài sản của những người khác. Có rất nhiều khả năng giải quyết khác nhau. Giá trị của nhà cửa, đất đai, và các tài sản khác có thể được phân phối rộng rãi và giao dịch trên cơ sở hoàn toàn pháp lý của chúng. Các quan hệ kinh doanh với những người khác thể hiện. *Một hệ thống tài sản nâng tin cậy tạo ra các dung nhận rộng rãi vì nó tạo nên kiến cho người ta nắm bắt những cơ hội kinh tế ở các xa khu vực có người của họ.* Các dung nhận rộng rãi có thể được nhận thức dễ dàng nhất trong trường hợp trí thức trí tuệ. Một khi một cấp bằng sáng chế công nhận một phát minh, nó có thể mang lại nhiều giá trị tổng cộng với số doanh nghiệp sản xuất sử dụng nó. Mọi người đều hưởng lợi trong quá trình này bởi vì nó thuận lợi cho tất cả các bên liên hệ.

Những người sở hữu nhiều tài sản hơn bắt đầu một cá nhân nào. Những nguồn vốn do nhà nước sử dụng cho hoạt động sản xuất hay đầu tư mag lại những kết quả kinh tế hạn chế với khu vực tư nhân bởi vì các ngân hàng không tránh khỏi bị bắt buộc phải cho vay vì những lý do chính trị thay vì lý do thông mại. Những tập quán thông mại tốt đẹp không thể được thực hiện trong những kiến nhờ thế.

Khoảng chừng khoảng, cá nhân không thể vay tiền vì sẽ không có ngân hàng nào chịu cho vay mà không có một hình thức thế chấp nào nữa. Khoảng chừng chừng sở hữu tài sản, tất cả mọi yếu tố của hoạt động sản xuất - vốn, lao động, kỹ thuật - đều bị chiết giảm và hạn chế trong giá trị trên danh nghĩa và trong những giới hạn vật chất của thế giới, trong đó tài sản sản xuất sinh sống mà không được hưởng một lợi thế nào mà thế giới bên ngoài có thể khai thác. Các dung nhận rộng rãi không thể được tạo ra trong những kiến nhờ thế.

Tất cả mọi quốc gia đã phát triển đều xuất hiện và bản thể các quyền sở hữu tài sản rõ ràng. Tất cả các nước nghèo đều có những quyền sở hữu tài sản không được xác định rõ ràng. Các quyền sở hữu tài sản rõ ràng tạo nên sự phân cách rõ ràng giữa các nước giàu và các nước nghèo. Về mặt này, người ta thấy có những bằng chứng hết sức rõ ràng trên khắp thế giới. *Do đó không phải là một quá khứ cho rằng nền chế các quyền sở hữu tài sản rõ ràng là nền tảng của tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội.*

Kết luận

Có ít khai hoang môi trường diện tích lúa và rất ít khai hoang này khiến thêm thêm canh tác Việt Nam. Sản lượng gạo sẽ tuy thuộc ngay càng nhiều vào việc tăng năng suất. Một tăng năng suất này vượt xa năng suất trung bình của Ấn Độ. Do vậy một tăng năng suất có thể sẽ giảm trong những năm sắp tới. Với một dân số tăng nhanh, người ta có thể nói rằng Việt Nam này rất cần một tăng trưởng to lớn về mặt nông nghiệp. Những hạn chế về chất lượng đất đai rất thấp vì, nói về mặt sinh thái, các tài nguyên thiên nhiên đang bị làm cạn kiệt qua khai hoang của chúng trong việc duy trì một môi trường canh tác. Nếu luật trước này thông qua 4 hay 5 năm mỗi xã ra một lần thì nay xã ra hàng năm, với một nỗ lực liệt chèo chống thì Theanthông này phải rộng và tiếp tục, không giảm bớt chút nào.

Việc tối đa hóa kinh tế nông nghiệp người khuyến khích các công nghệ giúp tăng năng suất khi nào người sản xuất được phép giữ lại các khoản lợi nhuận do việc làm của họ mang lại. Các quyền sở hữu tài sản của người sản xuất phải được công nhận và hợp pháp hóa, và nhiều nay, sau cùng, nói họ phải tự nhận lợi nhuận. Đây là giải pháp cho tình trạng sản xuất thấp kém và khan hiếm.

Sở hữu ruộng đất nhất định nói họ phải quản lý phải có quyền lợi trong xã hội. Một người chủ sở hữu hai lòng là yếu tố trung tâm tạo nên thành công. Người này sẽ giữ cho xã hội không có những hành động cực đoan. Các quyền sở hữu tài sản phải được xác lập ở Việt Nam với một khung nền chế thích hợp để đảm bảo năm sở hữu hiệu của các quyền này. Đây là những quyền cơ bản và rất cần thiết để cho tất cả mọi cái cách kết tiếp. Chúng cần thiết nhất ở nơi nào chúng suy yếu nhất, tức là ở cấp cơ sở của các tầng xã hội. Việc giải quyết vấn đề này của nông dân sẽ tạo nên mong cho một xã hội ổn định.

Nói một cách cụ thể các công cuộc cải cách ruộng đất và nông thôn phải được tiến hành. Chương trình "Người cấy cày ruộng" phải được thực hiện với tất cả những bảo đảm và hỗ trợ chính thức mà tiến trình này đòi hỏi. Những việc kiện bảo đảm cho sự thành công của việc canh tác phải được tập trung và cung cấp. Việc chuyển quyền sở hữu đất đai này cho nông dân là một điều cần thiết, những chèo chống Vai trò hiện nay của nhà nước nhờ một vài lý do sản xuất phải bỏ loại bỏ. Trong tiến trình này sẽ dịch vụ phong phú do nhà nước cung cấp phải do các nhà lý do nhận năm trước; nếu không thì sẽ gây ra những rối loạn nghiêm trọng. Nói một cách cụ thể một hệ thống các biện pháp khuyến khích phải được thiết lập để làm cho những rủi ro trôi chảy chấp nhận được nói với các ngân hàng tổ nhận, các nhà tiếp thị và phân phối, và tất cả những trung gian khác trong môi trường nông thôn. Nông thôn, những chương trình hỗ trợ kỹ thuật phải được thực hiện để huấn luyện cho nông dân - những người rất thành thạo trong việc

trồng lúa - giúp hội trôithành những ngôôii quản lýkinh doanh trong các xí nghiệp của hội. Trình bày chi tiết vềô cáu quaiñoanay sẽlãrdöi an kếátiep của chúng tôi.

Tài liệu tham khảo:

- "Rice Markets, Agricultural Growth, and Policy Options in Vietnam," Francesco Goletti and Nicholas Minot, IFPRI, April 1997.
- "Trade Distortions and Incentives in Agricultural Trade," Francesco Goletti, IFPRI, May 30, 1998.
- "Rice Market Liberalization and Poverty in Vietnam," Nicholas Minot and Francesco Goletti, IFPRI, 2000.
- "Assessing the Impact of Rice Policy Changes in Vietnam," James G. Ryan, IFPRI, January 1999.
- "Kapitalization," Rose Brady, Yale University Press, 1999.
- "The Grabbing Hand," A. Shleiffer, R. Vishny, Havard University Press, 1998.
- "Economic Analysis of Property Rights," Yoram Barzel, Cambridge University Press, 1997, second edition.

Translated by Vinh Nguyen
9/6/02